TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 8 - CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 43/2025/HNGĐ-ST
Ngày 18-8-2025
"V/v tranh chấp ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 8 – CÀ MAU

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: **Bà Phạm Kiều Diễm**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. **Ông Nguyễn Văn Tâm**

2. **Ông Nguyễn Văn Tịnh**

- *Thư ký phiên tòa*: Ông Trương Quốc Đại, Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 8 – Cà Mau.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8 – Cà Mau tham gia phiên toà:* Ông Trần Đăng Khoa - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 8 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 8 – Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 202/2025/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 5 năm 2025, về việc tranh chấp ly hôn. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 106/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 30 tháng 6 năm 2025 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: **Anh Trương Thanh T**, sinh năm 1995, (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp C, xã L, huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu (nay là Ấp C, **xã Đ**, tỉnh Cà Mau).

Anh T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, đơn đề ngày 30/6/2025.

- *Bị đơn*: **Chị Nguyễn Thị B**, sinh năm 1998, (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp C, xã L, huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu (nay là Ấp C, xã Đ, tỉnh Cà Mau).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn Anh Trương Thanh T trình bày:

Về hôn nhân: Tôi và Chị Nguyễn Thị B tự nguyện chung sống với nhau năm 2020, tôi và Chị Nguyễn Thị B có làm đám cưới theo phong tục địa phương và có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã L, huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu vào ngày 19/10/2022.

Trong thời gian chung sống vợ chồng không có hạnh phúc. Hiện nay tôi và chị Bé đã ly thân từ năm 2023 cho đến nay, trong thời gian này vợ chồng tôi không liên lạc với nhau để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Nay tôi không còn tình cảm với chị Bé nên tôi yêu cầu ly hôn.

Về con chung: Tôi và Chị Nguyễn Thị B không có con chung, nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Trong thời gian chung sống vợ chồng tôi không có tài sản chung và không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ngoài ra, không ai nợ tiền vợ chồng tôi.

Đối với bị đơn Chị Nguyễn Thị B: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tống đạt hợp lệ văn bản tố tụng, cũng như triệu tập Chị Nguyễn Thị B tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, hòa giải và tham gia phiên tòa xét xử sơ thẩm nhưng Chị Nguyễn Thị B vắng mặt lần thứ hai không rõ lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ trình bày quan điểm về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án:

Về thủ tục tố tụng: Thông qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án tới thời điểm này thấy rằng Thẩm phán, Thư ký đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm. Nguyên đơn đã thực hiện đúng quy định tại Điều 70, 71, còn bị đơn không thực hiện đúng theo quy định tại Điều 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các điều 28, 35, 39, 228; điểm a, b khoản 1 Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 51, 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của Anh Trương Thanh T đối với Chị Nguyễn Thị B. Về con chung: không có nên không đặt ra xem xét. Về tài sản chung và nợ chung không yêu

cầu nên không xem xét. Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm Anh Trương Thanh T phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên, sau khi thảo luận, nghị án; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Anh Trương Thanh T yêu cầu ly hôn với Chị Nguyễn Thị B, Chị Nguyễn Thị B đăng ký hộ khẩu thường trú tại Ấp C, xã L, huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu (nay là Ấp C, xã Đ, tỉnh Cà Mau) nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu (nay là Toà án nhân dân khu vực 8 – Cà Mau) theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Anh Trương Thanh T có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, Chị Nguyễn Thị B đã được triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt lần thứ hai không rõ lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 và điểm a, b khoản 1 Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt Anh Trương Thanh T và Chị Nguyễn Thị B.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của Anh Trương Thanh T yêu cầu ly hôn với Chị Nguyễn Thị B, Hội đồng xét xử xét thấy: Anh Trương Thanh T và Chị Nguyễn Thị B tự nguyện chung sống với nhau vào năm nhau năm 2020 và có làm đám cưới theo phong tục địa phương và có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã L vào ngày 19/10/2022 nên hôn nhân hợp pháp và được pháp luật bảo vệ. Trong thời gian chung sống Anh Trương Thanh T và Chị Nguyễn Thị B phát sinh nhiều mâu thuẫn, cuộc sống chung không thể kéo dài nên đã ly thân với nhau cho đến nay; trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã triệu tập chị Bé tham gia phiên hòa giải, tham gia phiên tòa nhưng chị Bé vắng mặt không có lý do thể hiện chị Bé không có thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng, tại biên bản xác minh tại địa phương xác định trong thời gian chung sống, Anh Trương Thanh T và Chị Nguyễn Thị B chung sống có đăng ký kết hôn, không có con chung, trong quá trình chung sống phát sinh nhiều mâu thuẫn và cả hai đã sống ly thân với nhau từ năm 2023 cho đến nay. Như vậy, có căn cứ xác định cuộc sống hôn nhân giữa Anh Trương Thanh T và Chị Nguyễn Thị B đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Căn cứ Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử

có cơ sở chấp nhận yêu cầu ly hôn Anh Trương Thanh T đối với Chị Nguyễn Thị B.

[4] Về con chung: Anh Trương Thanh T và Chị Nguyễn Thị B xác định không có con chung nên không yêu cầu giải quyết, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6] Xét đề nghị của Kiểm sát viên là có căn cứ, phù hợp quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

[7] Anh Trương Thanh T yêu cầu ly hôn với Chị Nguyễn Thị B nên Anh Trương Thanh T phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 228, Điều 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 51; khoản 1 Điều 53; 54; Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Xử cho Anh Trương Thanh T được ly hôn với Chị Nguyễn Thị B.

2. Về con chung: Không có nên không xem xét.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên không xem xét.

4. Về án phí: Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm 300.000 đồng Anh Trương Thanh T phải chịu. Anh Trương Thanh T đã nộp tạm ứng án phí số tiền 300.000 đồng theo biên lai thu số 0006773 ngày 05/5/2025 được chuyển thu án phí 300.000 đồng.

5. Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành

án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

6. Án xử sơ thẩm công khai, Anh Trương Thanh T và Chị Nguyễn Thị B có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau;
- VKSND khu vực 8 – Cà Mau;
- THADS tỉnh Cà Mau;
- UBND **xã Đ**;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Phạm Kiều Diễm